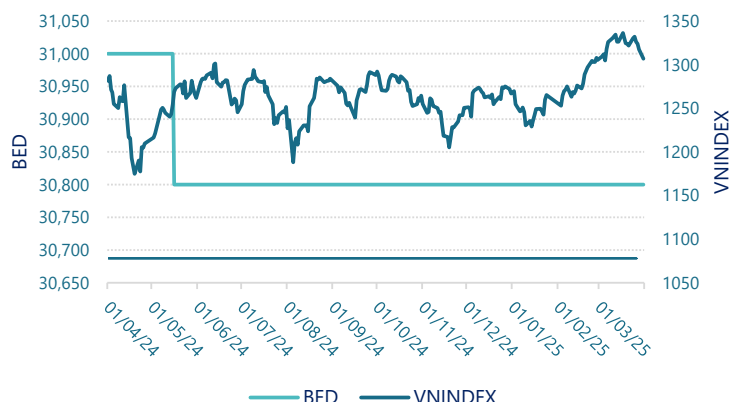


CTCP Sách và Thiết bị Trường học Đà Nẵng (HNX: BED)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	30,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	31,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	30,800
SL cổ phiếu LH	3,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	92
P/E	12.1
EPS	2,547

DT thuần
Q1/25

7.73

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.77 | -18.6%

YoY: ▼0.87 | -10.1%

LN sau thuế
Q1/25

0.40

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.06 | -83.7%

YoY: ▲0.15 | 60.6%

Tỷ suất lãi EBIT
2024

12.0%

+/- YoY: ▼0.5%

DT thuần
2024

79.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼3.00 | -3.6%

LN sau thuế
2024

7.49

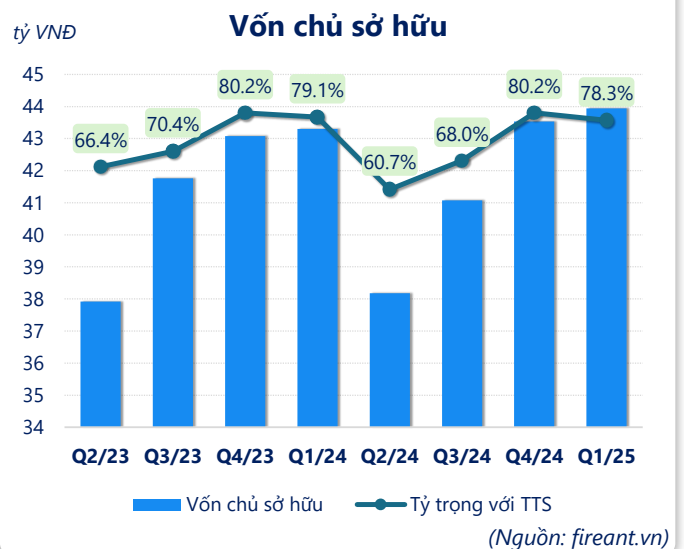
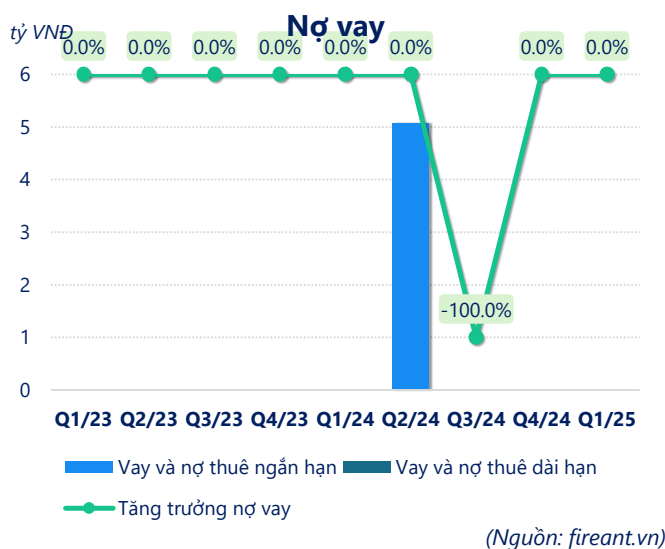
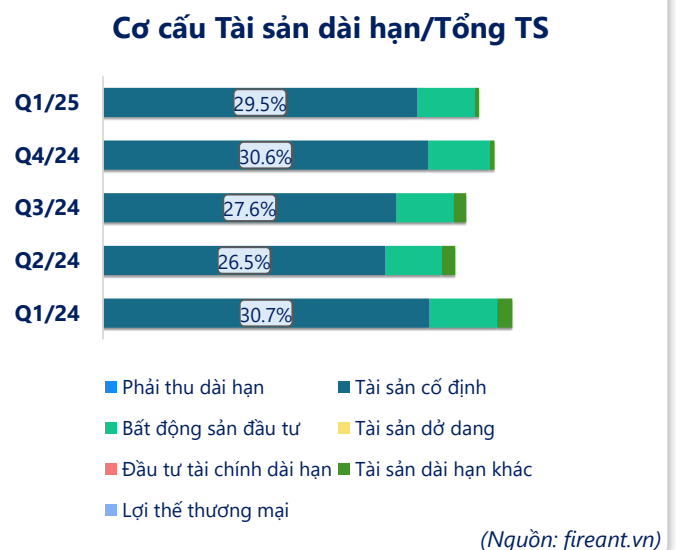
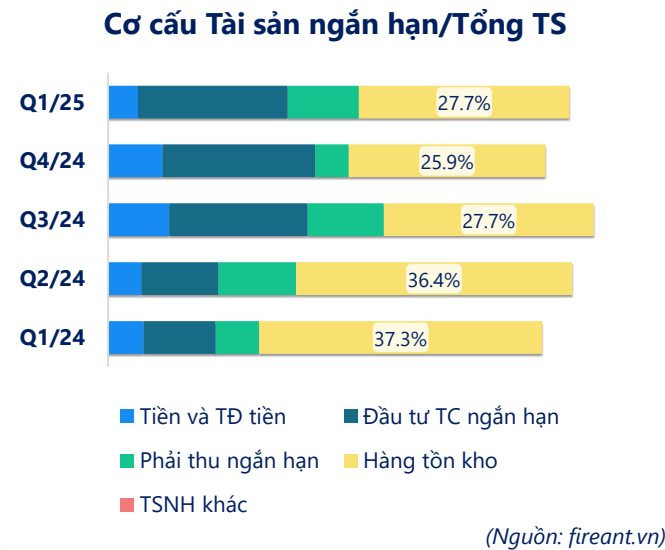
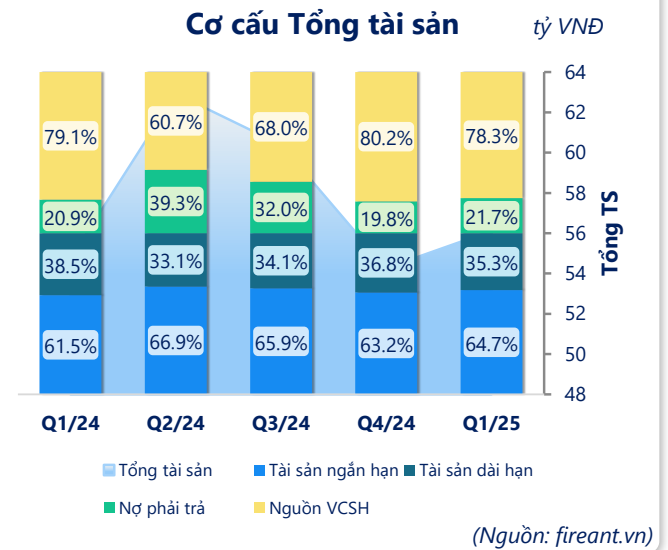
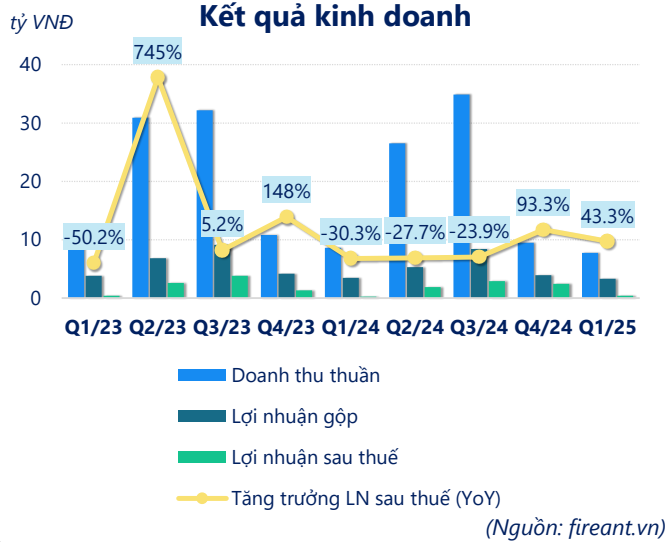
tỷ VNĐ

YoY: ▼0.62 | -7.6%

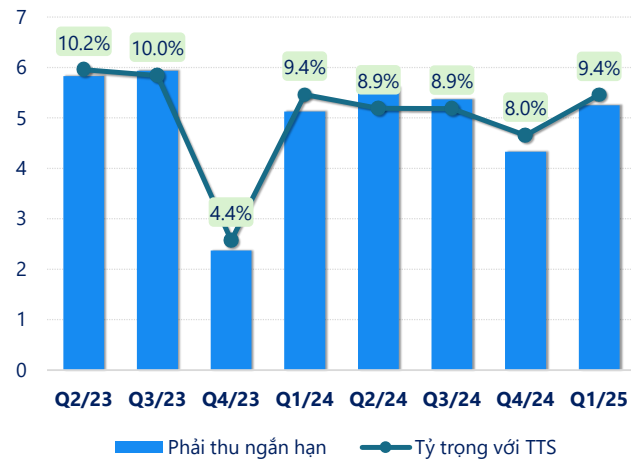
ROE
2024

17.3%

+/- YoY: ▼2.4%

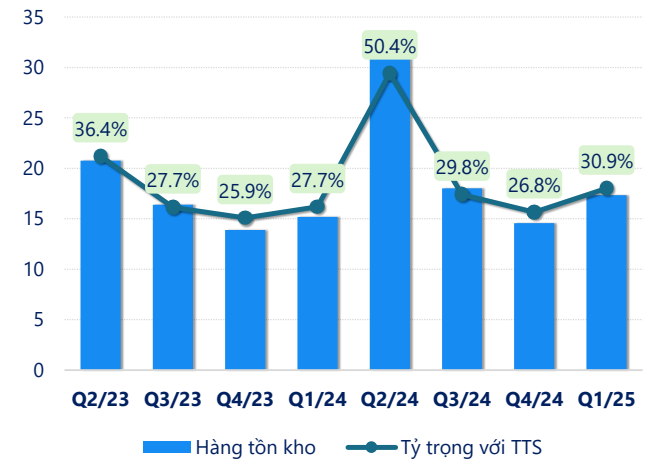


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


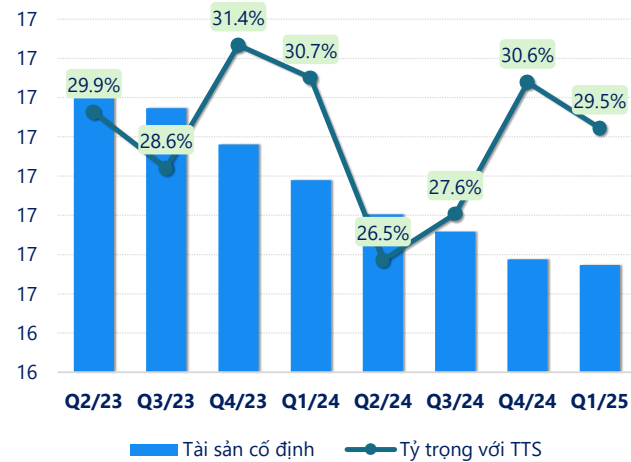
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


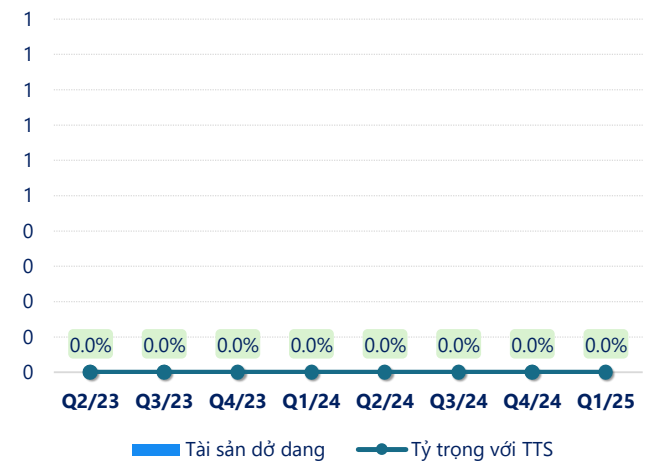
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

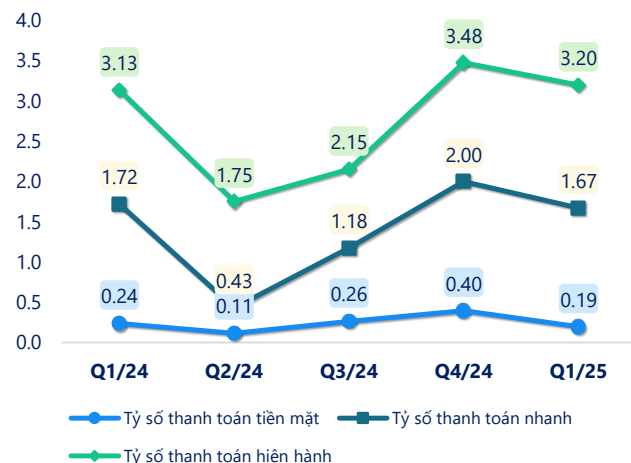
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

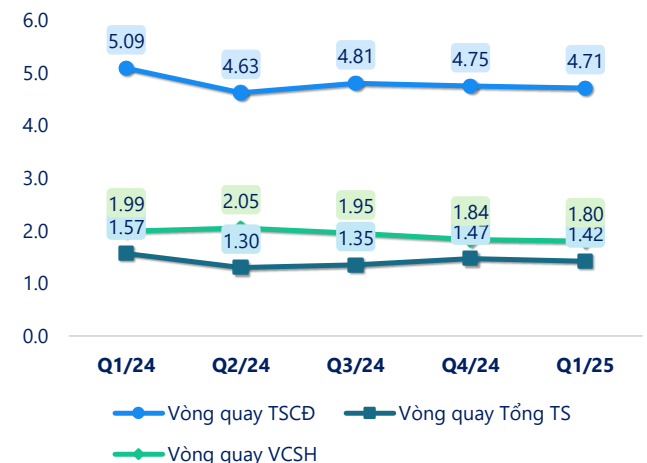
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	54.7	62.9	60.4	54.3	56.1
Tài sản ngắn hạn	33.7	42.1	39.8	34.3	36.3
Tiền và tương đương tiền	2.55	2.74	4.87	3.90	2.20
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.8	2.00	11.5	11.5	11.5
Phải thu ngắn hạn	5.13	5.60	5.37	4.33	5.25
Hàng tồn kho	15.2	31.7	18.0	14.6	17.3
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn	21.1	20.8	20.6	20.0	19.8
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	16.8	16.7	16.7	16.6	16.6
Bất động sản đầu tư	3.50	3.35	3.24	3.15	3.06
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.79	0.79	0.72	0.23	0.21
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	11.4	24.8	19.3	10.7	12.2
Nợ ngắn hạn	10.7	24.0	18.5	9.87	11.4
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	5.07	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	8.55	16.5	12.6	6.57	9.42
Nợ dài hạn	0.69	0.73	0.82	0.86	0.83
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	43.3	38.2	41.1	43.5	43.9
Vốn chủ sở hữu	43.3	38.2	41.1	43.5	43.9
Vốn điều lệ	30.0	30.0	30.0	30.0	30.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)